TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28/07/2022
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 07 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2021/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 06 năm 2022 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị V – sinh năm 1995.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T – sinh năm 1993.

Nơi ĐKHKTT: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

Hiện anh Tạo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công anh tỉnh Ninh Bình theo Thông báo về việc áp dụng biện pháp Tạm giam số 314 ngày 18 tháng 3 năm 2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Chị Vui, anh Tạo có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị và anh Phạm Văn T sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 2 năm 2015 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh T nghiện ma túy và nhiều lần vi phạm pháp luật, gia đình cũng tìm mọi cách và tạo điều kiện cho anh T cai nghiện nhưng không có kết quả. Mặt khác anh T thường xuyên chơi bời, không tu trí làm ăn, không lo lắng cho gia đình vợ con. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị và anh T đã sống ly thân nhau 6 năm nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Thời gian qua chị được biết anh T do vi phạm pháp

luật nên hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công anh tỉnh Ninh Bình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Phạm Văn T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Phạm Văn T có một con chung cháu Phạm Nguyễn Long N, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2016. Hiện cháu đang ở cùng với chị. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh Tạo có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh Phạm Văn T không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị V có Đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2015 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh tại xã K. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm lối sống, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ năm 2017 cho đến nay anh và chị sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Trong thời gian sống ly thân do chán nản nên anh có chơi bời và nghiện ma túy, cho đến thời điểm hiện tại anh cũng đã cai nghiện thành công. Do bạn bè rủ rê nên anh phạm tội trộm cắp tài sản từ năm 2021. Hiện anh đang bị áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam Công anh tỉnh Ninh Bình. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị V có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí và không có ý kiến gì.

Về con chung: anh và chị V có một con chung cháu Phạm Nguyễn Long N, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2016. Nay ly hôn anh nhất trí giao cháu N cho chị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh và chị V không có tài sản chung và công nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử , Thư ký Tòa án đã chấp hàn h đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự . Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình ; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V ly hôn anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Long N, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị V nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị V có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn T có nơi cư trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện anh T đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn do chị V và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 02 năm 2015 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống cùng bố mẹ đẻ anh T tại xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống cả chị V và anh T đều xác nhận anh chị sau một năm chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nhiều lần cãi chửi nhau, nguyên nhân do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm và anh T nghiện ma túy. Anh chị xác định vợ chồng đã có thời gian sống ly thân nhau 05 năm và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Cả hai đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ. Chị V có đơn xin ly hôn anh T, bản thân anh T cũng nhất trí ly hôn với chị V.

Biên bản xác minh tại chính quyền cơ sở tại địa phương thể hiện: Anh T và chị V có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh T tại xóm 4, xã K được khoảng hơn một năm thì chị V không sống cùng anh T nữa mà bế con về nhà bố mẹ đẻ ở K để làm ăn sinh sống. Từ năm 2017 cho đến anh chị V không sống cùng anh T nữa. Nguyên nhân vợ chồng anh chị V T mâu thuẫn và sống ly thân nhau về phía chính quyền địa phương không nắm được vì không nhận được đơn thư hay báo cáo gì về phía gia đình anh chị. Qua theo dõi tại nơi cư trú thì anh T là đối tượng nghiện ma túy hiện đang chấp hành án phạt tù về tội Trộm cắp tài sản. Nay chị V có đơn xin ly hôn với anh D thì đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Việc chị V và anh T thừa nhận với nhau về vấn đề mâu thuẫn vợ chồng và cả hai đều nhất trí ly hôn. Đó là những tình tiết các đương sự thống nhất và không phải chứng minh. Việc anh chị nhất trí ly hôn điều đó chứng tỏ cuộc sống hôn nhân chị V và anh T nhiều mâu thuẫn. Do không khắc phục được dẫn đến việc hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V có đơn xin ly hôn anh T. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung : Chị V và anh T có 01 con chung Phạm Nguyễn Long N, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2016. Hiện cháu đang do chị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Nay ly hôn cả hai thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Nguyễn Long N, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2016 cho chị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy sự tư nguyện giao con sau khi ly hôn giữa chị V và anh T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm pháp luật và cũng đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên trong vụ án Hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử cần giao cháu Phạm Nguyễn Long N, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2016 cho chị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi và anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung là phù hợp điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị V và anh T không có tài sản và công nợ chung nên nay ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Như vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị V và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Long N, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị V tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên và tự lập được cuộc sống. Anh Phạm Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004874 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã K.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh